

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/DS-ST

Ngày: 09-7-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân*

Ông Nguyễn Tân Lộc

Bà Nguyễn Kim Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lộ Hoàng A, sinh năm 1980 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm 1, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

*Bị đơn:*

1. Bà Trần Mỹ H1 (vắng mặt).

2. Ông Huỳnh Việt H2, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lộ Hoàng A trình bày: Vào ngày 14 tháng 4 năm 2019 âm lịch nhằm ngày 28 tháng 5 năm 2019 dương lịch bà Trần Mỹ H1 có vay của ông số tiền 160.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,07%/ngày, khi vay tiền bà H1 có ký tên nhận vào biên nhận nhận nợ. Từ khi vay đến nay bà H1 không có trả vốn và lãi cho ông, ông nhiều lần liên hệ bà H1 để yêu cầu trả nợ nhưng bà H1 cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Hiện tại ông Huỳnh Việt H2 và bà Trần Mỹ H1 là vợ chồng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Việt H2 và bà Trần Mỹ H1 trả cho ông số tiền 160.000.000 đồng.

- Tại biên bản về việc đương sự trình bày ý kiến nhưng không ký tên vào biên bản ngày 17 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thể hiện: Bà Trần Mỹ H1 xác định bà không có vay tiền của ông Lộ Hoàng A mà bà có cầm cố vàng cho ông Lộ Hoàng A nhiều lần, ông Hoàng Anh nhận vàng của bà, bà nhận tiền của ông Hoàng A tổng cộng số tiền là 160.000.000 đồng, nhưng vàng bà giao cho ông Hoàng A bao nhiêu bà không nhớ nhưng ít hơn nhiều so với số tiền bà đã nhận của ông Hoàng A. Quá trình nhận tiền của ông Hoàng A bà có đóng lãi nhưng không có biên nhận, giấy tờ, cũng không nhớ số tiền bao nhiêu. Bà H1 xác nhận chữ ký khách hàng tên H1 trong hợp đồng cầm cố ngày 14 tháng 4 năm 2019 âm lịch là do bà H1 tự ký, là chữ ký của bà H1, số vàng bà đã cầm ông Hoàng A chưa trả cho bà.

- Tại biên bản làm việc ngày 24 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Việt H2 trình bày: Việc bà Trần Mỹ H1 vợ của ông vay tiền của ông Lộ Hoàng A như thế nào ông không biết. Ông có liên hệ với bà H1, bà H1 thừa nhận trước đây bà H1 có cầm vàng cho ông Hoàng A và bà H1 đã chuộc lại vàng để bán, bà H1 thừa nhận có vay của ông Hoàng A số tiền 160.000.000 đồng. Ông thừa nhận chữ ký trong biên nhận do ông Hoàng A cung cấp là chữ ký của bà H1. Ông không biết việc bà H1 vay tiền nhưng ông đồng ý cùng bà H1 trả tiền cho ông Hoàng A, nhưng ông không có khả năng trả một lần; ông yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng tiền gốc và yêu cầu xin bớt tiền lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lộ Hoàng A. Buộc ông Huỳnh Việt H2 và bà Trần Mỹ H1 trả cho ông Lộ Hoàng A 160.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lộ Hoàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Việt H2 và bà Trần Mỹ H1 trả tiền vay và lãi suất. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Mỹ H1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Mỹ H1.

[3] Tại phiên tòa ông Hoàng Anh cho rằng bà H1 có vay của ông số tiền 160.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 0,07%/ ngày; từ khi vay đến nay bà H1 không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông; ông yêu cầu bà H1, ông H2 trả cho ông 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông A có cung cấp cho Tòa án giấy hợp đồng cầm cố ngày 14 tháng 4 năm 2019 âm lịch, có chữ ký của bà H1; nội dung giấy cầm cố thể

hiện bà Trần Mỹ H1 có vay số tiền 160.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông H2 chồng bà H1 cho rằng bà H1 có nói với ông bà H1 có vay của ông Hoàng A 160.000.000 đồng, ông H2 thừa nhận chữ ký “H1” tại giấy cầm cố do ông Hoàng A cung cấp là của bà H1 và ông H2 đồng ý cùng bà H1 trả tiền cho ông Hoàng A nhưng yêu cầu được trả dần và xin ông Hoàng A bớt tiền lãi. Biên bản về việc đương sự trình bày ý kiến nhưng không ký tên vào biên bản ngày 17 tháng 5 năm 2020 bà H1 thừa nhận chữ ký “H1” tại giấy cầm cố do ông Hoàng Anh cung cấp là của bà H1. Bà H1 cho rằng có cầm vàng cho ông Hoàng A nên ông Hoàng A mới đưa cho bà 160.000.000 đồng, bà H1 có trả lãi cho ông Hoàng A nhiều lần nhưng không có làm biên nhận và không nhớ cụ thể bao nhiêu. Xét thấy, bà H1 cho rằng có cầm vàng cho ông Hoàng Anh và có trả lãi cho ông Hoàng A nhiều lần nhưng bà H1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình nên lời trình bày của bà H1 là không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, việc bà H1 vay của ông Hoàng A số tiền 160.000.000 đồng là có thật thể hiện tại hợp đồng cầm cố tài sản ngày 14 tháng 4 năm 2019 âm lịch (BL 04) nên ông Hoàng Anh yêu cầu bà H1 trả số tiền 160.000.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Giữa ông Lộ Hoàng A và bà H1 thỏa thuận lãi suất 0,07% mỗi ngày là vượt quá so với quy định của pháp luật nên điều chỉnh lại như sau: Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm nên lãi suất năm là 20%, lãi tháng là 1,67%, lãi ngày là 0,056%. Ngày vay là ngày 28 tháng 5 năm 2019 (ngày 14 tháng 4 năm 2019 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09 tháng 7 năm 2020 là 01 năm 01 tháng 11 ngày, tổng tiền lãi là  $(160.000.000đ \times 01 \text{ năm} \times 20\%) + (160.000.000đ \times 01 \text{ tháng} \times 1,67\%) + (160.000.000đ \times 11 \text{ ngày} \times 0,056\%) = 35.657.600$  đồng. Như vậy tổng số tiền gốc và lãi 195.657.600 đồng.

[5] Bà H1 nợ ông Hoàng Anh trong thời kỳ hôn nhân với ông Huỳnh Việt H2 và tại phiên tòa ông H2 cũng đồng ý trả tiền cho ông Hoàng Anh. Do đó, buộc ông H2 và bà H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 195.657.600 đồng.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông Lộ Hoàng A được chấp nhận nên ông Hoàng Anh không phải chịu án phí, ông Hoàng A đã nộp tạm ứng án phí 4.000.000 đồng được nhận lại. Ông H2, bà H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 9.782.800 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lộ Hoàng A. Buộc ông Huỳnh Việt H2 và bà Trần Mỹ H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lộ Hoàng A số tiền 195.657.600 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

## 2. Về án phí:

Ông Lộ Hoàng A không phải chịu án phí, ông Hoàng A đã nộp tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0019696 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông Hoàng A được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Huỳnh Việt H2 và bà Trần Mỹ H1 có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.782.800 đồng (chín triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn tám trăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**